

Số: 22 /NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 26 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020 và các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng ngày 27 tháng 4 năm 2023;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng số 21/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 của Ban Giám đốc với 1.900.081 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, với một số chỉ tiêu chính như sau:

• **Kết quả kinh doanh năm 2023.**

STT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
1	Sản lượng vận tải, kinh doanh	Tấn		
1.1	Kinh doanh xi măng	tấn	16.416	
1.2	Vận tải bộ	tấn	385.775	
1.3	Bốc xúc	tấn	238.922	
1.4	Vận tải thủy	tấn	57.157	
1.5	Vận tải biển	tấn	132.121	
1.6	Xe Ca	chuyến	3.666	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	57.524,414	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-1.752,879	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.752,879	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-6,11	
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.432,780	
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0	

Điều 2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2024 của Ban Giám đốc với 1.129.481 cổ phần tán thành, tương đương 59,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, với một số chỉ tiêu chính như sau:

• **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.**

STT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Sản lượng vận tải, kinh doanh	Tấn		
1.1	<i>Kinh doanh xi măng</i>	<i>tấn</i>	18.420	
1.2	<i>Vận tải bộ</i>	<i>tấn</i>	373.660	
1.3	<i>Bốc xúc</i>	<i>tấn</i>	240.000	
1.4	<i>Vận tải thủy</i>	<i>tấn</i>	75.000	
1.5	<i>Xe Ca</i>	<i>chuyến</i>	3.550	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	49.648	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	480	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-122	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-0,43	
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.393	
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0	

(Kế hoạch SXKD năm 2024 của VICEM nói chung và của Công ty nói riêng đã được VICEM báo cáo và đề nghị Bộ xây dựng phê duyệt theo quy định; sau khi Bộ xây dựng phê duyệt, nếu có sự thay đổi, sẽ điều chỉnh sau)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 với 1.897.981 cổ phần tán thành, tương đương 99,89% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 với 1.897.981 cổ phần tán thành, tương đương 99,89% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị với 1.897.981 cổ phần tán thành, tương đương 99,89% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 6. Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 16/TTr-HĐQT với 1.897.981 cổ phần tán thành, tương đương 99,89% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội



, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng tài sản	Đồng	43.337.880.916	
2	Nợ phải trả	Đồng	4.896.021.471	
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	38.441.859.445	
4	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	20.163.850.000	
5	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	57.524.414.331	
6	Tổng chi phí	Đồng	59.277.293.096	
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	-1.752.878.765	
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-1.752.878.765	
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	-869	

Điều 7. Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 17/TTr-HĐQT với 1.897.981 cổ phần tán thành, tương đương 99,89 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty đến 31/12/2022 là 0 đồng.

Năm 2023, lợi nhuận sau thuế của Công ty là: - 1.752,879 triệu đồng.

Lỗ lũy kế của Công ty đến 31/12/2023 là: - 1.752,879 triệu đồng

Điều 8. Thông qua Tờ trình mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty năm 2023 và Kế hoạch thù lao năm 2024 theo nội dung Tờ trình số 18/TTr-HĐQT với 1.897.981 cổ phần tán thành, tương đương 99,89 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 9. Thông qua Tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo nội dung Tờ trình số 19/TTr-BKS với 1.129.481 cổ phần tán thành, tương đương 59,44 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt ký kết và thực hiện hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông theo nội dung Tờ trình số 20/TTr-HĐQT với 809.581 cổ phần tán thành/tổng số 809.581 cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, tương đương 100%.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2024.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng và các đơn vị phòng/ban, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP Hà Nội (B/cáo);
- HĐQT, TGD Tổng Cty XMVN (B/cáo);
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty (T/hiện);
- Ban Giám đốc Công ty (T/hiện);
- Công bố TT trên Website Cty (thay cho T/báo);
- Lưu: Văn thư.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Phạm Đăng Lợi

CP
*
NG